|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS PHÚ THỨ  **TỔ NGỮ VĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN KHỐI 6**

**Năm học 2022 – 2023**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn nghị luận | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS PHÚ THỨ  **TỔ NGỮ VĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN KHỐI 6**

**Năm học 2022 – 2023**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn nghị luận | **Nhận biết:**  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.  - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.  - Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được những bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong văn bản. | 4 TN | 4 TN | 2 TL |  |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **4 TN** | **4 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***25*** | ***35*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**TRƯỜNG THCS PHÚ THỨ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II LỚP 6**

**NĂM HỌC: 2022-2023**

**ĐỀ DỰ PHÒNG**

**Môn: Ngữ văn**

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Điểm thi | | Nhận xét | Họ tên và chữ kí | Số phách |
| Bằng số | Bằng chữ |  | Giám khảo 1:..............…....  ….………………………….  Giám khảo 2:.....…...........…  ….………………………….. |  |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

*Người thành công luôn chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra trong cuộc sống của họ. Họ tin rằng dù chuyện gì xảy ra đi chăng nữa, họ là một phần nguyên nhân gây ra nó. Ví dụ: Nếu họ thi trượt, đó là lỗi của họ. Nếu không được cha mẹ tin tưởng, đó là lỗi của họ. Nếu phải vào lớp tệ hại nhất, đó là lỗi của họ. Nếu trở thành một học sinh xuất sắc, đó cũng là nhờ nỗ lực của họ. Nhận lãnh trách nhiệm về bản thân có một sức mạnh tiềm ẩn vô cùng to lớn. Nếu bạn tin rằng bạn là nguyên do của mọi chuyện, bạn sẽ có khả năng thay đổi và cải thiện mọi chuyện. Nói một cách đơn giản, bạn làm chủ cuộc sống của chính bạn. [...]*

*Những kẻ thất bại bao giờ cũng có khuynh hướng đổ lỗi cho mọi người ngoại trừ bản thân họ. Họ đổ thừa thầy cô giảng bài nhàm chán, đổ thừa kì thi quá khó, đổ thừa bạn bè làm họ xao nhãng việc học, đổ thừa cha mẹ suốt ngày cằn nhằn họ. Tệ hại hơn cả, một số học sinh còn tự lừa dối bản thân rằng mọi việc cũng không đến nỗi quá tệ, rằng môn Toán của họ cũng không tệ đến thế, rằng thực chất họ học hành rất chăm chỉ...trong khi tự đáy lòng, họ biết rõ những điều đó không phải là sự thật. “Những người và những việc xung quanh mình khiến mình thất bại”. Suy nghĩ đó khiến bạn trở thành nạn nhân bất lực, không thể thay đổi được cuộc sống.*

*(*Trích *Tôi tài giỏi, bạn cũng thế,* Adam Khoo, trang 43, NXB Phụ nữ, 2013*)*

**Hãy chọn câu trả lời đúng nhất ở mỗi câu hỏi sau và điền vào bảng dưới:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 1**. Văn bản trên thuộc thể loại nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Văn nghị luận. | B. Văn bản thông tin. |
| C. Truyện ngắn. | D. Hồi kí. |

**Câu 2**. Văn bản trên tác giả đã đưa ra mấy ý kiến?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Một ý kiến. | B. Hai ý kiến. |
| C. Ba ý kiến. | D. Không có ý kiến nào cả. |

**Câu 3.** Đặc điểm nào sau đây nói đúng về văn bản trên?

|  |
| --- |
| A. Có hình ảnh sinh động. |
| B. Có từ ngữ giàu cảm xúc. |
| C. Có lí lẽ thuyết phục. |
| D. Có nhân vật cụ thể. |

**Câu 4.** Vấn đề nghị luận được đặt ra trong văn bản trên là gì?

|  |
| --- |
| A. Nguyên nhân dẫn đến thành công. |
| B. Nguyên nhân dẫn đến thất bại. |
| C. Cách để trở thành người thành công. |
| D. Thái độ và suy nghĩ của những người thành công và những kẻ thất bại. |  |

**Câu 5.** Tác giả đã chỉ ra thái độ của những kẻ thất bại là gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Họ luôn trốn tránh sự thật. |  |
| B. Họ luôn đổ lỗi cho người khác. |  |
| C. Họ không cố gắng. |  |
| D. Họ luôn tự biện hộ, đổ thừa cho người khác và tự lừa dối mình. |  |

**Câu 6**. Để ý kiến “*Người thành công luôn chịu trách nhiệm cho bất cứ chuyện gì xảy ra trong cuộc sống của họ.”* thuyết phục người đọc,tác giả đã đưa ra?

|  |
| --- |
| A. Số liệu thống kê người thành công. |
| B. Sự kiện về người thành công. |
| C. Hàng loạt các ví dụ minh chứng về người thành công luôn có trách nhiệm trước lỗi của mình. |
| D. Tên của một nhân vật thành công. |

**Câu 7**. Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong câu “*Họ đổ thừa thầy cô giảng bài nhàm chán, đổ thừa kì thi quá khó, đổ thừa bạn bè làm họ xao nhãng việc học, đổ thừa cha mẹ suốt ngày cằn nhằn họ.”*?

|  |
| --- |
| A. So sánh, điệp từ. |
| B. Liệt kê, điệp từ. |
| C. Ẩn dụ, điệp từ. |
| D. Nhân hóa, liệt kê. |

**Câu 8**.Bài học rút ra từ văn bản trên là gì?

|  |
| --- |
| A. Cần dũng cảm nhận trách nhiệm về mình trước mỗi việc làm và hành động của bản thân. |
| B. Luôn đổ lỗi cho người khác. |
| C. Đôi lúc cần phải lừa dối bản thân. |
| D. Cố gắng vươn lên hoàn cảnh khắc nghiệt. |

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. Em đồng tình hay không đồng tình với suy nghĩ *“Những người và những việc xung quanh mình khiến mình thất bại”.* Vì sao?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 10**. Qua nội dung của văn bản trên, em cần phải làm gì để không trở thành người thất bại trong học tập?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Em hãy viết bài văn (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: *Trò chơi điện tử: Lợi hay hại?*

BÀI LÀM

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**-Hết-**

*Ghi chú:*

*- Thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi.*

*- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

**TRƯỜNG THCS PHÚ THỨ HƯỚNG DẪN CHẤM - ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II LỚP 6**

**DỰ PHÒNG**

**NĂM HỌC: 2022-2023**

**Môn: Ngữ văn**

(Đáp án - thang điểm gồm có 02 trang)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | A | 0.5 |
| **2** | B | 0.5 |
| **3** | C | 0.5 |
| **4** | D | 0.5 |
| **5** | D | 0.5 |
| **6** | C | 0.5 |
| **7** | B | 0.5 |
| **8** | A | 0.5 |
|  | **9** | - HS nêu ra được ý kiến “không đồng tình”. Vì:  + Nguyên nhân thất bại chủ yếu do bản thân chưa cố gắng, do năng lực bản thân.  + Không được đổ lỗi cho những người và những việc xung quanh. | 1.0 |
|  | **10** | Qua văn bản trên, để không trở thành người thất bại trong học tập, em cần:  - Lắng nghe thầy cô giảng bài.  - Học bài và làm bài đầy đủ.  - Tìm tòi, mở rộng thêm kiến thức.  - Giao lưu, học hỏi từ bạn bè. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *1*. *Đảm bảo yêu cầu về hình thức của bài văn* | 0.25 |
|  | *2. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Trình bày suy nghĩ về vấn đề: *Trò chơi điện tử: Lợi hay hại?* | 0.25 |
|  | *3.* Trình bày suy nghĩ về vấn đề: *Trò chơi điện tử: Lợi hay hại?*  a) Mở bài  - Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.  b) Thân bài  - Trình bày ý kiến – lí lẽ - bằng chứng về vấn đề nghị luận:  + Lợi ích của những trò chơi điện tử: thư giãn, kết bạn, phát triển trí tuệ...  + Bên cạnh đó cũng tồn tại rất nhiều tác hại: tổn hại sức khỏe, ảnh hưởng học tập, bị thành phần xấu lôi kéo, nghiện game, mất kiểm soát hành vi...  c) Kết bài  - Khái quát lại vấn đề. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0.5 |

*Phú Thứ, ngày 12 tháng 04 năm 2023*

**Duyệt của TCM Người soạn đề**

**Phan Thị Mỹ Xuyên Nguyễn Thị Cẩm Tiên**

**Duyệt của BGH**